

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 892/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2018
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Đăng

2/ Ông Lưu Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C- sinh năm 1973 (có mặt)

Thường trú: khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ *Bị đơn:* Ông Phan Hữu L- sinh năm 1969 (có mặt)

Thường trú: khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Bùi Nguyễn Quỳnh N- Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và cộng sự.

Địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị C trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà và ông Phan Hữu L tự nguyện kết hôn có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của ông bà bình thường. Đến tháng 11 năm 2016 giữa ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền

bạc và tình trạng này kéo dài cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không hòa giải được nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn. Yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Nguyễn Uyên L2 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung tên Phan Hữu L1.

Tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu chia đôi tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số M do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/10/2007. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay bà rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Toà án giải quyết phần tài sản chung do ông bà đã tự thoả thuận giải quyết xong. Bà tự nguyện chịu phần chi phí đo vẽ 7.073.066đồng và chi phí định giá 3.000.000đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà có mời ông Võ Vương Khánh T- Luật sư Văn phòng luật sư T tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Tại phiên toà hôm nay, bà không yêu cầu luật sư bảo vệ quyền lợi, bà sẽ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Ông Phan Hữu L trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân đúng như bà C đã trình bày. Ông xác định hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn như bà C đã trình bày nên ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007 như bà C đã trình bày. Ông đồng ý giao 02 con chung Phan Hữu L1 và Phan Nguyễn Uyên L2 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Nguyễn Uyên L2 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng nuôi con đối với con chung tên Phan Hữu L1.

Tài sản chung: Ông xác định ông bà có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số M do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/10/2007. Tại phiên toà hôm nay, bà C rút yêu cầu giải quyết phần tài sản chung thì ông đồng ý vì ông bà đã tự thoả thuận giải quyết xong.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông có mời ông Phạm Đình B- Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn K tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Tại phiên toà hôm nay, ông thay đổi yêu cầu, không mời luật sư Phạm Đình B và thay thế bằng luật sư Bùi Nguyễn Quỳnh N tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Hữu L có ý kiến trình bày: Tại phiên toà hôm nay, ông L mời bà tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bà đồng ý để Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Về nội dung vụ án, các đương sự đã thống nhất giải quyết phần quan hệ hôn nhân và con chung đề nghị Hội đồng xét xử

ghi nhận những nội dung đương sự đã thống nhất, phân tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn và con chung. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Phan Hữu L cư trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc triệu tập người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia tố tụng: tại phiên tòa, bà C từ chối không mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ông L thay đổi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, luật sư Bùi Nguyễn Quỳnh N đồng ý đề Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Xét những yêu cầu này là phù hợp nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án do bà C có yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án đã triệu tập Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007- có người đại diện theo pháp luật là ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà C rút yêu cầu chia tài sản chung và ông L đồng ý với việc rút yêu cầu của bà C nên không còn cần thiết phải triệu tập Phan Hữu L1 và Phan Nguyễn Uyên L2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Hữu L tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2000, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2000. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, bà C và ông L đều đồng ý ly hôn. Xét thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 168/2001, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2001 và giấy khai sinh số 17, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/01/2007 có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị C và ông Phan Hữu L có 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông Phan Hữu L cấp dưỡng nuôi con tên Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007 mỗi tháng 2.000.000đồng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001. Ông L đồng ý thống nhất với yêu cầu của bà C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của 02 con chung và các con chung có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà C. Xét thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phan Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Nguyễn Uyên L2 mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Phan Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Hữu L1.

[6] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà C rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc M do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/10/2007. Ông L đồng ý với việc rút yêu cầu này của bà C. Xét việc rút yêu cầu này của bà C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về các chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ 7.073.066đồng và tạm ứng chi phí định giá 3.000.000đồng bà C đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án nay bà C tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bà C tự nguyện chịu 300.000đồng án phí ly hôn và ông L chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và Ông Phan Hữu L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007.

Bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001 và Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007. Ông Phan Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Nguyễn Uyên L2 sinh ngày 06/01/2007 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C không yêu cầu ông Phan Hữu L cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Hữu L1 sinh ngày 27/11/2001.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Hữu L không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại khu phố A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số M do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/10/2007.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C về việc tự nguyện chịu số tiền chi phí do vẽ là 7.073.066 (bảy triệu không trăm bảy mươi ba ngàn không trăm sáu mươi sáu) đồng và chi phí định giá 3.000.000 (ba triệu) đồng.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.300.000 (mười triệu ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015334 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí còn lại là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Ông Phan Hữu L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C và ông Phan Hữu L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy